TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SƠN LA** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 76/2018/HS-ST Ngày: 16 - 05 - 2018	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SƠN LA, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Lại Thị Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cà Văn Pản;

2. Bà Bùi Thị Bưởi.

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Lương Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La tham gia phiên toà: Bà Ngần Thị Thu Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 72/2018/TLST-HS ngày 13 tháng 04 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2018/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo:

Bùi Văn K (tên gọi khác: không), sinh ngày 23 tháng 11 năm 1995 tại huyện T, tỉnh H; nơi ĐKNKTT: Xóm Ư, xã P, huyện T, tỉnh H; chỗ ở hiện nay: Tổ 2, phường Q, thành phố S, tỉnh S; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): lớp12/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Bùi Văn S, sinh năm 1968 và bà Đinh Thị H, sinh năm 1971; bị cáo chưa có vợ, con; không tiền án, tiền sự; bị bắt tạm giam từ ngày 03 tháng 02 năm 2018, có mặt.

- Người bị hại:

1. Anh Lê Thanh H, sinh ngày 16/10/1991; trú tại: Bản N, phường C, thành phố S, tỉnh S; có đơn xin vắng mặt.

2. Chị Đinh Thị N, sinh ngày 28/10/1976; trú tại: Bản N, phường C, thành phố S, tỉnh S; có đơn xin vắng mặt.

3. Trần Thị H, sinh ngày 25/7/1987; Trần Văn K (chồng chị Trần Thị H), sinh ngày 23/6/1983; đều trú tại: Tổ2, phường Q, thành phố S, tỉnh S; chị H có mặt (chị H đại diện cho anh K).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

1. Anh Trần Văn C, sinh năm 1986; trú tại: Tiểu khu 3, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh S; có ý kiến xin xét xử vắng mặt.

4. Hà Tuấn N, sinh ngày 12/12/1999; trú tại: Ký túc xã trường Đại học T. có đơn xin vắng mặt.

Người làm chứng

1. Anh Bùi Văn D, sinh ngày 06/9/1994; Nơi ĐKHKTT: Thôn T, V, huyện Ư , Thành phố H; Chỗ ở hiện nay: Số nhà 32, Phường T, quận T, Thành phố H; vắng mặt.

2. Anh Trương Vĩnh C, sinh ngày 18/04/1954; trú tại: Tiểu khu 4, thị trấn M, huyện M, tỉnh H; có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 24/01/2018 đến ngà 31/01/2018, Bùi Văn K đến khu vực phường C và phường Q, thành phố S với mục đích tìm gia đình nhà nào không có người ở nhà và có sơ hở thì lẻn vào lấy trộm tài sản. Bùi Văn Kđã lén lút chiếm đoạt tài sản của 03 hộ dân. Cụ thể như sau:

Sáng ngày 24/01/2018 Bùi Văn K mở cửa sau vào bên trong nhà anh Lê Thanh H ở bản N, phường C lấy 01 chiếc máy tính xách tay (*Laptop*) nhãn hiệu DELL Latitude E6420 cùng dây sạc màu đen nhãn hiệu DELL. Sau đó K đã mang chiếc máy tính xách tay cùng dây sạc đến cơ sở cầm đồ của anh anh Trần Văn C ở tiểu khu 1, Thị trấn Y, huyện Y, tỉnh S nói dối anh C chiếc máy tính đó là của K, do đang cần tiền nên cầm cố và đã cầm cố chiếc máy tính đó lấy 2.500.000VND. số tiền đó K đã chuyển 850.000VND vào tài khoản Ngân hàng MBBANK số 8240100011999 của anh Bùi Văn D, trú tại phường T, quận T, thành phố H để mua tiền ảo trong game, số tiền còn lại K đã chi tiêu cá nhân hết.

Sáng ngày 27/01/2017 K lẻn vào nhà chị Đinh Thị Nở bản N, phường C cũng bằng phương thức đi vòng ra phía sau nhà, rồi mở cửa sau vào trong nhà lấy trộm 01 phong bì bên trong có 300.000VND ở trên giường trong phòng ngủ tầng một, số tiền lấy trộm được K đã tiêu xài cá nhân hết. Sáng ngày 30/01/2018 K tiếp tục mở cửa sau vào nhà chị Đinh Thị N, khi vào phòng ngủ ở tầng một K đã lấy trộm một phong bì bên trong có 500.000VND, rồi lên tầng hai lấy trộm 01 sợi dây chuyền vàng Ý, có mặt đá màu vàng + 01 dây chuyền mỹ ký màu vàng có mặt đá màu đỏ để ở ngăn kéo tủ quần áo trong phòng ngủ, sau đó K đi xe khách xuống Thị trấn M, huyện M, tỉnh S mang sợi dây chuyền mỹ ký màu vàng có mặt đá màu đỏ vào một cửa hàng kinh doanh vàng bạc K không nhớ tên để bán, chủ cửa hàng nói dây chuyền mà K mang bán là dây chuyền vàng giả nên không mua, sau đó K đi xe khách đến huyện M, tỉnh H. Trên đường đi K đã

vứt sợi dây chuyền mỹ ký xuống đường. Khi đến Thị trấn M, K đã vào cửa hàng kinh doanh vàng bạc do anh Trương Vĩnh C làm chủ, nói dối anh C sợi dây chuyền vàng Ý, có mặt đá màu vàng là của K rồi bán sợi dây chuyền này cho anh C với giá 1.220.000VND. số tiền có được K chuyển 850.000 VND vào tài khoản của anh Bùi Văn D để mua thẻ nạp tiền ảo trong game, số tiền còn lại K đã chi tiêu cá nhân hết.

Chiều ngày 31/01/2018 Bùi Văn K mở cửa sau vào trong nhà chị Trần Thị H ở tổ 2, phường Q lấy trộm trong ví da màu đen để trên nóc tủ nhựa số tiền 5.000.000VND *(Gồm 10 tờ tiền mệnh giá 500.000 VND*) cùng 01 thẻ ATM của chị Trần Thị H và 01 thẻ ATM của anh Trần Văn K *(là chồng chị H)* và 01 bản phôtô chứng minh nhân dân của chị H. Sau đó Khải trả nợ cho anh Hà Tuấn N, trú tại ký túc xá trường đại học T số tiền 2.700.000VND, số tiền còn lại K thêm 50.000 đồng chuyển vào tài khoản của anh Bùi Văn D để mua thẻ nạp tiền ảo trong game. Đến trưa ngày 01/02/2018, K mang hai thẻ ATM đã trộm cắp được đến cây ATM gần trường Đại học T để rút tiền, tuy nhiên thẻ ATM của anh K, K không sử dụng được vì không biết mật khẩu nên K đã vứt ở một cống nước gần trường Đại học T. Thẻ ATM của chị H K đã rò, tìm được mật khẩu qua ngày tháng năm sinh của chị Trần Thị H có trên bản phôtô chứng minh nhân dân. K đã rút ra 200.000VND trong thẻ, tiêu xài cá nhân hết 130.000 VNĐ, số tiền còn lại K cất giữ trên người.

Đến khoảng 17h ngày 01/02/2018 Bùi Văn K tiếp tục đi ra phía sau nhà chị Trần Thị H với mục đích vào trong nhà để trộm cắp tài sản. Khi K vào đến sân phía sau nhà chị H thì bị chị H phát hiện nên K bỏ chạy, nhưng đã bị quần chúng nhân dân bắt giữ, phát hiện trên người K số tiền 70.000VND, 01 thẻ ATM + 01 bản phôtô chứng minh nhân dân của chị H.

Quá trình điều tra: Bị cáo Bùi Văn K đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên;

Cơ quan điều tra đã thu giữ những vật chứng: Thu từ bị cáo K 01 tờ hợp đồng cầm đồ ngày 25/01/2018 giữa Bùi Văn K và cửa hàng cầm đồ 86, tiểu khu 1, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh S và 70.000đ + 01 thẻ ATM + 01 bản phô tô Chứng minh nhân dân mang tên Trần Thị H; thu tại cơ sở cầm đồ của anh Trần Văn C 01 chiếc máy tính xách tay màu đen, nhãn hiệu DELL kèm 01 dây sạc máy tính (chiếc máy tính này đã trả lại cho người bị hại Lê Thanh H); anh Hà Tuấn N tự nguyện giao nộp 2.700.000,0đ (số tiền này và 70.000.000 đồng 01 thẻ ATM + 01 bản phô tô Chứng minh nhân dân mang tên Trần Thị H thu giữ từ bị cáo đã trả cho người bị hại Trần Thị H)

Quá trình điều tra:

- Anh Trương Vĩnh C, trú tại: Tiểu khu 4, thị trấn M, huyện M, tỉnh H, xác nhận: Đã mua của Bùi Văn K 01 sợi dây truyền vàng Ý loại 18K có trọng lượng 1,5 chỉ có 01 mặt đá màu vàng, do K nói là tài sản của Kvà anh C đã bán cho 01

khách hàng không quen biết với giá không nhớ chính xác (khoảng 1.300.000 đồng). Do đó không thu hồi được sợi dây truyền; anh Bùi Văn D, nơi ĐKHKTT: Thôn T, xã V, huyện Ứ, Thành phố H, xác nhận: Đã bán cho K thẻ nạp cho game tổng số tiền 4.200.000 đồng. Do đó không thu hồi được đủ số tiền bị cáo chiếm đoạt của những người bị hại.

- Những người bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá, Quyết định truy tố của Viện kiểm sát và không có đề nghị gì về hình phạt. Đối với trách nhiệm dân sự của bị cáo: chị Trần Thị H yêu cầu bị cáo bồi thường 2.430.000 đồng; chị Đinh Thị N yêu cầu bồi thường sợi dây truyền vàng Ý loại 18K có trọng lượng 1,5 chỉ có 01 mặt đá màu vàng; anh Trần Văn C yêu cầu bồi thường 2.500.000 đồng.

Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Sơn La đã ra yêu cầu số 23 ngày 05/02/2018, yêu cầu số 27 ngày 28/02/2018 yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng Hình sự thành phố Sơn La định giá đối với: 01 chiếc máy tính xách tay màu đen, nhãn hiệu DELL Latitude E6420 kèm 01 dây sạc máy tính; 01 sợi dây truyền vàng Ý loại 18K có trọng lượng 1,5 chỉ có 01 mặt đá màu vàng; 01 sợi dây truyền màu vàng bằng kim loại (loại dây mỹ ký) có 01 mặt đá màu đỏ.

Tại Thông báo kết luận định giá tài sản số 21/TB-TCKH ngày 01/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 01 sợi dây truyền vàng Ý loại 18K có trọng lượng 1,5 chỉ có 01 mặt đá màu vàng, mua và sử dụng từ năm 2014. Giá trị tại thời điểm là: 3.850.000 đồng; 01 sợi dây truyền màu vàng bằng kim loại (loại dây mỹ ký) có 01 mặt đá màu đỏ. Giá trị tại thời điểm là: 0 đồng. Tại Thông báo kết luận định giá tài sản số 20/TB-TCKH ngày 21/2/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 01 chiếc máy tính xách tay màu đen, nhãn hiệu DELL Latitude E6420 kèm 01 dây sạc máy tính. Giá trị còn lại là: 4.250.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bị cáo Bùi Văn K chiếm đoạt là 14.100.000đ *(mười bốn triệu một trăm ngìn đồng).*

Do có hành vi nêu trên tại bản cáo trạng số: 43/KSĐT ngày 12/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La đã truy tố bị cáo Bùi Văn K về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên toà vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La giữ quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Bùi Văn K phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Bùi Văn K từ 15 đến 18 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về bồi thường dân sự: buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Trần Thị H 2.430.000 đồng, chị Đinh Thị N 3.850.000 đồng; anh Trần Văn C 2.500.000 đồng.

- Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 01 tờ hợp

đồng cầm đồ ngày 25/01/2018 giữa Bùi Văn K và cửa hàng dịch vụ cầm đồ 86, tiểu khu 1, thị trấn Y, huyện Y, S.

- Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa: Bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết quả định giá tài sản; nhất trí với Quyết định truy tố của Viện kiểm sát; nhất trí với bản luận tội cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phần tranh luận; bị cáo tỏ ra ăn năn và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa: Người bị hại chị Trần Thị H yêu cầu bị cáo bồi thường 2.430.000 đồng và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Anh Lê Thanh H, chị Đinh Thị N, anh Trần Văn C, anh Hà Tuấn N đều xin vắng mặt; anh C, anh N đề nghị bị cáo bồi thường theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1] Về tố tụng: Anh Lê Thanh H, chị Đinh Thị N, anh Trần Văn C, anh Hà Tuấn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và gửi ý kiến đến Hội đồng xét xử, do đó việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều có lời khai nhận tội thống nhất, từ ngày 24/01/2018 đến ngày 31/01/2018, Bùi Văn K đã nhiều lần lén lút chiếm đoạt tài sản với tổng trị giá 14.100.000đ. Lời khai của bị cáo phù hợp với kết quả điều tra như: Lời khai của những người bị hại về thời gian, địa điểm phạm tội và những tài sản bị chiếm đoạt (bút lục số 157 đến 167). Được chứng minh bằng Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 03/02/2018 tại nhà chị Đinh Thị N, nhà anh Lê Thanh H đều ở bản N, phường C, thành phố S và nhà chị Trần Thị H ở tổ 2, phường Q, thành phố S (có Sơ đồ hiện trường + Bản ảnh hiện trường kèm theo). Vật chứng thu giữ là một phần tài sản của những người bị hại (Cơ quan điều tra đã trả lại cho những người bị hại). Các anh Trần Văn C, Hà Tuấn N, Bùi Văn D, Trương Vĩnh C đều xác xác nhận, do không biết nguồn gốc tài sản là do K phạm tội mà có nên đã có những giao dịch dân sự với K.

[3] Đầy đủ căn cứ kết luận: Bị cáo Bùi Văn K đã có hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác với trị giá 14.100.000đ. Bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân. Khi thực hiện hành vi chiếm đoạt, bị

cáo Bùi Văn K đã thành niên, có đủ khả năng nhận thức cũng như điều khiển hành vi. Theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự thì "Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng … thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm". Như vậy hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong một khoảng thời gian ngắn bị cáo đã 3 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản (bị cáo còn có lần thứ 4 thực hiện hành vi chiếm đoạt, nhưng giá trị tài sản chiếm đoạt là 300.000 đồng, nên lần chiếm đoạt này không tính vào số lần phạm tội mà chỉ cộng giá trị tài sản vào tổng giá trị tài sản chiếm đoạt). Do đó bị cáo đã vi phạm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội 02 lần trở lên", quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tự khai báo ra các lần phạm tội trước đó; người bị hại chị Trần Thị H đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[6] Sau khi xem xét, đánh giá tính chất và mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đối chiếu với các quy định pháp luật, Hội đồng xét xử thấy cần thiết xử phạt bị cáo với mức tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, đảm bảo biện pháp cải tạo, giáo dục riêng, phòng ngừa tội phạm chung.

[7] Về hình phạt bổ sung (phạt tiền) theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự: Bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, không có tài sản riêng có giá trị, xét việc áp dụng hình phạt bổ sung là không có khả năng thi hành nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Vật chứng vụ án:

Anh Hà Tuấn N tự nguyện giao nộp lại cho Cơ quan điều tra 2.700.000,0đ tiền bị cáo K trả nợ cho anh N. Anh N không biết khoản tiền này do bị cáo phạm tội mà có, nên chấp nhận.

Đối tài sản thu giữ trong vụ án là tài sản hợp pháp của những người bị hại, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là đúng quy định của pháp luật, gồm: Trả lại cho chị Trần Thị H: 01 thẻ ATM + 01 bản phô tô Chứng minh nhân dân mang tên Trần Thị H + 2.700.000,0đ; trả lại cho anh Lê Thanh H 01 chiếc máy tính xách tay màu đen, nhãn hiệu DELL kèm 01 dây sạc máy tính. Đối với tiền và tài sản không thu hồi được, buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường.

Đối với 01 tờ hợp đồng cầm đồ ngày 25/01/2018 giữa Bùi Văn K và cửa hàng dịch vụ cầm đồ 86, tiểu khu 1, thị trấn Y, huyện Y, S, là giấy tờ bị cáo cầm cố tài sản do phạm tội mà có, cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Về Trách nhiệm dân sự: Những người bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường giá trị tài sản bị cáo đã chiếm đoạt do không thu hồi được gồm: Chị Trần

Thị H 2.430.000 đồng, chị Đinh Thị N 3.850.000 đồng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn C yêu cầu bị cáo bồi thường 2.500.000 đồng, do anh C không biết tài sản cầm cố là do bị cáo phạm tội mà có. Xét yêu cầu của người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là tự nguyện, không trái pháp luật, cần chấp nhận.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Bùi Văn K phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Bùi Văn K 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 03 tháng 02 năm 2018).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về Trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586, khoản 1 Điều 589 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo phải bồi thường cho:

- Những người bị hại: Chị Trần Thị H 2.430.000 đồng (hai triệu bốn trăm ba mươi ngìn đồng), chị Đinh Thị N 3.850.000 đồng (ba triệu tám trăm năm mươi ngìn đồng);

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Văn C 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm ngìn đồng).

Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Chấp nhận: Anh Hà Tuấn N tự nguyện giao nộp 2.700.000,0đ (hai triệu bảy trăm nghìn đồng), Cơ quan điều tra đã trả 2.700.000,0đ (do anh Hà Tuấn N giao nộp) cho chủ sở hữu là người bị hại Trần Thị H.

Tịch thu tiêu hủy: 01 tờ hợp đồng cầm đồ ngày 25/01/2018 giữa Bùi Văn K và cửa hàng dịch vụ cầm đồ 86, tiểu khu 1, thị trấn Y, huyện Y, S bị nhàu, rách.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/4/2018 giữa Công an thành phố Sơn La và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sơn La).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14: Buộc bị cáo Bùi Văn K phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 439.000 đồng (bốn trăm ba mươi chín ngìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 16/5/2018); người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại

phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai./.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKS ND tỉnh Sơn La;
- VKSND thành phố Sơn La (2);
- THADS thành phố Sơn La;
- Công an thành phố Sơn La;
- THAPT (2);
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Đã ký

Lại Thị Hiếu